TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 06-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Điệu,

Ông Đỗ Văn Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ: Số 25 T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Hoàng T sinh năm 1984; địa chỉ: Số 25 T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội (Văn bản uỷ quyền số 9556/UQ-SeABank ngày 20/7/2018);

Ông Phạm Văn H sinh năm 1986; địa chỉ: Tòa nhà SeABank - Thửa 17 Khu B1 Lô 7B đường L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số 9556/UQ-SeABank ngày 20/7/2018);

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H sinh năm 1973 và bà Trần Thị Thanh N sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Xóm 1, Thôn L, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Phạm Văn H: Bà Trần Thị Thanh N (Văn bản uỷ quyền lập ngày ngày 11 tháng 3 năm 2019)

Ông T, ông H và bà N có mặt, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông T và ông H đều trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng) với ông Phạm Văn H và bà Trần Thị Thanh N có quan hệ tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng trung hạn số 279/2016/HDTDTH/SHBA ngày 24/5/2016 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng) số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho ông H bà N là 400.000.000 đồng để sửa chữa nhà, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 224m^2 và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 297A, tờ bản đồ số 03 thôn 1, xã Hoàng Động, huyện Thuỷ Nguyên, đứng tên chủ sử dụng là ông Phạm Văn H, được Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 493934 ngày 13 tháng 10 năm 2008, số vào sổ cấp giấy H/00856 (sau đây viết tắt là Thửa đất số 297A) công chứng tại Văn phòng công chứng Hải Phòng ngày 24/5/2006 số công chứng 1866, Quyển số 01/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 27/01/2018 ông H bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán để nợ quá hạn, mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng vẫn không thực hiện được.

Ngân hàng khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu bị đơn trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 05 tháng 6 năm 2019 là 326.077.293 đồng, trong đó nợ gốc là 272.547.031 đồng, nợ lãi trong hạn là 35.373.613 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.156.649 đồng; yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 297A trong trường hợp bên vay không trả được nợ.

Trong Văn bản ngày 14 tháng 01 năm 2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị Thanh N đồng ý với những yêu cầu của Ngân hàng là đúng. Lý do của việc không trả được nợ vay đúng hạn là do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Bà N đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần vào nợ gốc 2.000.000 đồng/tháng, xin được miễn tiền lãi, chưa phát mại tài sản thế chấp.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 30, 35, 40, 85 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 122, 323, 343, 355, 471, 474, 715 và 721 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2005; các điều 117, 298, 299, 463, 466, 500 và 502 của BLDS năm 2015; Điều 130 của Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 05

tháng 6 năm 2019 là 326.077.293 đồng, trong đó nợ gốc là 272.547.031 đồng, nợ lãi trong hạn là 35.373.613 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.156.649 đồng; bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số nợ trên. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 297A để nguyên đơn thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của nguyên đơn: Sự thừa nhận của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn về giao kết Hợp đồng tín dụng, về bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và về toàn bộ số nợ gốc, lãi còn lại thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các điều 122, 471 và 474 của BLDS năm 2005, các điều 117, 463 và 466 của BLDS năm 2015.

[2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: Sự thừa nhận của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn về thế chấp tài sản thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Yêu cầu của Ngân hàng về phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 297A trong trường hợp bên vay không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các điều 323, 343, 355, 715 và 721 của BLDS năm 2005; các điều 298, 299, 500 và 502 của BLDS năm 2015; Điều 130 của Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nghĩa vụ trả nợ được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 16.304.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 91, 92, 97, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 122, 323, 343, 355, 471, 474, 715 và 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 117, 298, 299, 463, 466, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 130 của Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn H và bà Trần Thị Thanh N phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 279/2016/HDTDTH/SHBA ngày 24 tháng 5 năm 2016 tính đến ngày 05 tháng 6 năm 2019 với tổng số tiền là 326.077.293 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm chín mươi ba đồng),

trong đó nợ gốc là 272.547.031 đồng, nợ lãi trong hạn là 35.373.613 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.156.649 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày ngày 06 tháng 6 năm 2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Phạm Văn H và bà Trần Thị Thanh N không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất diện tích 224m^2 và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 297A, tờ bản đồ số 03 tại Thôn 1, xã Hoàng Động, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng đứng tên chủ sử dụng là ông Phạm Văn H; được Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 493934 ngày 13 tháng 10 năm 2008, số vào sổ cấp giấy H/00856.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn H và bà Trần Thị Thanh N phải nộp 16.304.000 (Mười sáu triệu, ba trăm linh tư nghìn đồng). Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 7.180.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, biên lai số 0000167 ngày 20/12/2018.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thuỷ Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng